

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-PT

Ngày 15 - 11 - 2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Bùi Anh Tuấn

Ông Trần Minh Tấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2023/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 71/2023/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị A, sinh ngày 01/01/1991; Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt)

- **Bị đơn:** Anh B, sinh ngày 01/01/1989; Địa chỉ: Số 41, Cửa hàng tạp hóa C, Chợ P, ấp Q, xã P, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt)

- **Người kháng cáo:** Bị đơn anh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị A và anh B quen biết nhau và tự nguyện kết hôn vào năm 2021, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện O. Theo chị A, quá trình chung sống chị chồng thường xuyên qua nhà anh chị, dùng những lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm chị, nhưng chồng chị và cha chồng không yêu cầu chấm dứt hay bên vực chị, anh B không có chính kiến đối với cuộc sống chung của vợ chồng, chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ đầu năm 2023 cho đến nay, nhưng trong thời gian này anh B cũng không thấy được sai trái của mình, gia đình hai bên cũng không có

biện pháp hàn gắn cho chị và anh B về sống chung nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh B. Theo anh B trình bày, trong quá trình sống chung, do chị A đòi ra riêng sống, vì anh là con trai út nên anh kêu A từ từ, đầu năm 2023, chị A bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay, nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A

- *Về con chung*: Quá trình chung sống chị A và anh B có 01 con chung tên D, sinh ngày 18/9/2021, hiện cháu D đang sống chung với chị A. Khi ly hôn, chị A yêu cầu tiếp tục nuôi con chung tên D, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 07/2023 cho đến khi D đủ 18 tuổi, tự lao động sinh sống được. Anh B không đồng ý yêu cầu của chị A về việc tiếp tục nuôi con chung, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con vì anh có điều kiện chăm sóc, giáo dục hơn chị A, nếu chị A được quyền nuôi con thì anh B không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của A.

- *Về tài sản chung*: Chị A và anh B thống nhất tài sản chung của anh chị là 02 lượng vàng 24K. Tuy nhiên, chị A xác định trong lúc sống ly thân chị đã chi phí hết cho việc nuôi con; Anh B không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Chị A và anh B thống nhất xác định không có nợ chung ai và cũng không ai nợ chung anh chị nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ nội dung trên, tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 71/2023/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B. Cho ly hôn giữa chị A và anh B.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu D (sinh ngày 18/9/2021) cho chị A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục (cháu D đang sống cùng chị A).

2.2. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2023 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

3. Về chia tài sản:

3.1. Về tài sản chung: Chị A và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

3.2. Về nợ chung: Chị A và anh B thống nhất không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất giai đoạn thi hành án, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 15/8/2023, bị đơn anh B kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, giao cháu D cho anh B nuôi dưỡng, không đồng ý giao cháu D cho chị A như án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp kháng cáo của anh B; Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình số 71/2023/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn chị A khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh B, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ. Bị đơn anh B cư trú tại huyện O, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện O theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét đơn kháng cáo của bị đơn anh B nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[3] *Về nội dung:* Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 71/2023/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử cho ly hôn giữa chị A và anh B; Không giải quyết tài sản chung do các đương sự không yêu cầu. Xét thấy, chị A và anh B không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với các nội dung này nên các nội dung này của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn anh B kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu D, không đồng ý giao cháu D cho chị A nuôi dưỡng: Xét thấy, trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, chị A và anh B không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con, nên việc giao cháu D cho ai trực tiếp nuôi dưỡng do Tòa án quyết định, Tòa án căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình: “... Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi

về mọi mặt của con...” để quyết định giao cháu D cho người trực tiếp nuôi dưỡng, việc nuôi dưỡng cháu D phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu D, đây là yếu tố quan trọng nhất để Tòa án quyết định.

[5] Cháu D, sinh ngày 18/9/2021, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu D dưới 36 tháng tuổi và là bé gái, từ nhỏ đã được sống cùng với mẹ cho đến nay. Tuy chị A và anh B đều có yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D nhưng căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình: “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi ...*”. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định pháp luật, điều kiện trực tiếp nuôi con, quyền lợi tốt nhất cho con chung để quyết định giao cháu D do chị A trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp, đã xem xét, đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật đúng, đầy đủ, đảm bảo quyền lợi của cháu D.

[6] Anh B kháng cáo yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không đồng ý giao cháu D cho chị A nuôi dưỡng nhưng anh B không chứng minh được chị A không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Tại cấp phúc thẩm, anh B không cung cấp thêm chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của anh. Do đó, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, giao cháu D cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không chấp nhận kháng cáo của anh B về việc yêu cầu trực tiếp nuôi con chung.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của anh B, giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 71/2023/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: anh B kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của anh B; Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 71/2023/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

- Căn cứ khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58; khoản 1 Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Điều 107; Điều 110; Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 mục III Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và tiêu mục 1.1 phần II mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B. Cho ly hôn giữa chị A và anh B.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu D, sinh ngày 18/9/2021 cho chị A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, cháu D đang sống cùng chị A được giữ nguyên.

2.2. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2023 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

3. Về chia tài sản:

3.1. Về tài sản chung: Chị A và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

3.2. Về nợ chung: Chị A và anh B thống nhất không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

4.1. Án phí sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013598 ngày 18/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện O, được chuyển thu án phí.

Án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

4.2. Án phí phúc thẩm: Anh B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh B đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0013765 ngày 21/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện O, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

5. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND huyện O (01 bản);
- CCTHADS huyện O (01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (02 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Châu Minh Nguyệt